

Thứ hai, ngày 16 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Chưa thể hồi phục, Fed tiếp tục cắt giảm lãi suất

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/3/2020	•		
Tuần 16/3-20/3/2020	•		
Tháng 3/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index phân hoá và giảm có mạnh quanh mốc tham chiếu khi tâm lý nhà đầu tư đã phần nào bình ổn trở lại. Các cổ phiếu lớn như GAS, PLX, HPG, TPB, FPT ghi nhận sự hồi phục cũng giúp thu hẹp đà giảm. Đến phiên chiều, chỉ số vận động có phần tiêu cực hơn và chính thức跌 mất gần 14 điểm. Thị trường có phiên giao dịch đồng thuận với các TTCK lớn khác trong khu vực sau quyết định cắt giảm lãi suất về 0%-0.25% của FED trong ngày 15/03. Bên cạnh đó, Fed cũng tung ra gói nới lỏng định lượng với giá trị bằng 700 tỷ đô và đồng thời cho phép dự trữ bắt buộc của một số ngân hàng giảm về mức 0%. Theo nhận định của BSC, động thái bất ngờ và có phần quyết liệt của Fed cho thấy sức khoẻ của nền kinh tế Mỹ nói riêng và toàn cầu nói chung đang tiến sát ngưỡng báo động và cần được hỗ trợ. Như vậy, trong bối cảnh thị trường Việt Nam, các động thái tiếp theo đây của NHNN cần được theo dõi thêm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Thanh khoản giảm mạnh, VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo. Hỗ trợ gần nhất của VN30 quanh 690-700 điểm.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/03/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm tiêu cực theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme_Dầu khí_ 0.7%. 9/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**, con số này của VNINDEX là -1.8%

Phân tích kỹ thuật: VRG_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-13.92 điểm**, đóng cửa 747.86. HNX-Index **-1.76 điểm**, đóng cửa 99.62.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.36); SAB (+1.19); PLX (+0.23); TPB (+0.20); TCH (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-4.06); BID (-2.46); CTG (-1.50); VNM (-1.06); VPB (-1.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,125 tỷ đồng**, **-27%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 21.01 điểm. Thị trường có 133 mã tăng, 45 mã tham chiếu và 239 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **385.60 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (45.96 tỷ), VIC (42.11 tỷ) và HDB (36.11 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **11.18 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

747.86

Giá trị: 3125.78 tỷ

-13.92 (-1.83%)

Khối ngoại (ròng): -387.57 tỷ

HNX-INDEX

99.62

Giá trị: 831.59 tỷ

-1.76 (-1.74%)

Khối ngoại (ròng): -11.18 tỷ

UPCOM-INDEX

50.15

Giá trị: 0.16 tỷ

-0.34 (-0.67%)

Khối ngoại (ròng): -21.27 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	30.2	-4.85%
Giá vàng	1,532	0.14%
Tỷ giá USD/VND	23,227	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,840	-0.31%
Tỷ giá JPY/VND	21,912	1.93%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	-0.30%
LS TPCP 5 năm	2.0%	1.45%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
TCH	11.1	MSN	45.8
PHR	6.4	VIC	41.7
GAS	3.9	HDB	36.1
MWG	3.9	CTG	35.5
PHR	3.0	HPG	31.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

VRG_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở dưới giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 nằm dưới EMA26.

Nhận định: VRG thời gian vừa qua đã ở trong trạng thái giảm giá ngắn hạn đồng thuận với xu hướng chung của thị trường. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây đang có chiều hướng giảm dần. Phiên hôm nay cổ phiếu đã có sự bật tăng lên mức giá trần sau khi đã tiếp cận ngưỡng hỗ trợ 8 trong phiên cuối tuần trước và đảo chiều xanh điểm. Tuy vậy, các chỉ báo kỹ thuật hầu hết vẫn chưa chuyển sang trạng thái tích cực. Theo đánh giá của chúng tôi, VRG có thể sẽ đi ngang tích lũy trong khu vực xung quanh mệnh giá 10 trong thời gian tới để tìm thêm động lực cho sự tăng giá vững vàng hơn.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bút phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bút phá

[Link](#)

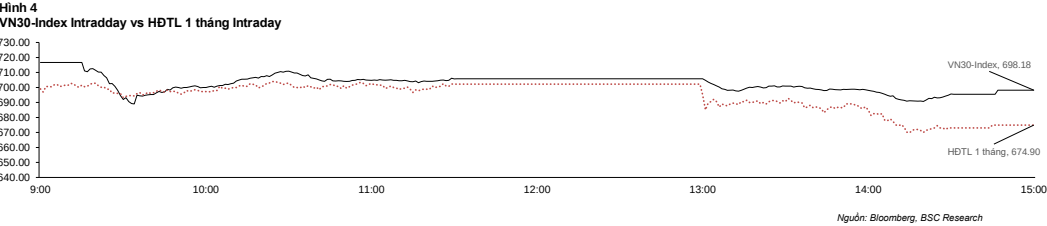
KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bút phá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2003	674.90	-5.25%	-23.28	-18.4%	186,102	3/19/2020	5
VN30F2004	670.00	-5.63%	-28.18	-19.3%	2,768	4/16/2020	33
VN30F2006	668.90	-5.66%	-29.28	-44.9%	172	6/18/2020	96
VN30F2009	671.00	-4.36%	-27.18	-67.8%	59	9/17/2020	187

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -18.47 điểm xuống mức 698.18 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, VNM, VCB, và MBB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 biến động mạnh quanh vùng 690-710 điểm, chốt phiên dưới mốc 700 điểm. Thanh khoản giảm mạnh, VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo. Hỗ trợ gần nhất của VN30 quanh 690-700 điểm.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2003 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2004 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2003 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2004 và VN30F2009 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM2001	HSC	6/22/2020	98	10:1	68,420	-86.8%	5.0 triệu	22.92%	1,700	340	1600.00%	28.80	11.81
CHPG1907	SSI	4/22/2020	37	1:1	73,490	-59.5%	1.0 triệu	29.06%	4,200	600	11.111%	162.00	3.70
CHPG2003	MBS	5/4/2020	49	3:1	397,630	80.7%	6.0 triệu	29.06%	1,570	270	8.00%	-	
CHPG1909	KIS	5/15/2020	60	2:1	254,740	15.6%	5.0 triệu	29.06%	1,800	200	0.00%	8.00	25.00
CHPG2002	KIS	12/16/2020	275	2:1	63,000	-17.6%	3.0 triệu	29.06%	1,700	720	-2.70%	61.10	11.78
CTCB1902	VND	6/5/2020	81	1:1	79,390	-60.5%	2.0 triệu	28.45%	5,300	920	-3.16%	115.30	7.98
CMSN2001	KIS	12/16/2020	275	5:1	22,500	-79.5%	2.0 triệu	29.36%	2,300	1,250	-6.72%	247.90	5.04
CSTB2001	KIS	6/19/2020	95	1:1	169,350	-82.8%	5.0 triệu	28.44%	1,500	1,000	-13.79%	263.80	3.79
CFPT1908	MBS	6/17/2020	93	3:1	191,720	46.8%	2.4 triệu	25.75%	3,150	860	-14.00%	228.20	3.77
CDPM2001	KIS	6/19/2020	95	2:1	139,310	-61.8%	2.0 triệu	30.77%	1,000	220	-15.38%	18.90	11.64
CSBT2001	KIS	12/16/2020	275	1:1	15,000	150.0%	2.0 triệu	24.75%	2,900	1,570	-23.04%	112.20	13.99
CVPB2001	HSC	6/22/2020	98	2:1	293,070	-37.3%	5.0 triệu	31.83%	1,500	1,550	-25.48%	1,012.00	1.53
CMWG2002	MBS	4/24/2020	39	10:1	85,990	-6.4%	2.0 triệu	28.35%	1,950	240	-31.43%	6.70	35.82
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	23	2:1	51,890	178.2%	2.0 triệu	31.83%	1,000	1,260	-37.93%	535.90	2.35
CFPT1905	SSI	4/22/2020	37	1:1	40,780	147.0%	1.0 triệu	25.75%	9,900	890	-39.86%	75.80	11.74
CFPT2001	HSC	6/22/2020	98	5:1	79,040	-29.0%	5.0 triệu	25.75%	1,600	400	-41.18%	89.70	4.46
CMBB2001	HSC	6/22/2020	98	2:1	289,640	-60.2%	5.0 triệu	25.65%	1,600	240	-46.67%	20.20	11.88
CFPT1906	HSC	4/8/2020	23	5:1	477,350	-46.4%	5.0 triệu	25.75%	1,700	90	-50.00%	0.60	150.00
CVHM1902	SSI	4/22/2020	37	1:1	71,060	132.3%	1.0 triệu	24.25%	18,600	400	-55.56%	36.40	10.99
CMWG2001	HSC	6/22/2020	98	10:1	416,070	-37.2%	5.0 triệu	28.35%	1,700	70	-58.82%	1.30	53.85
Tổng:					3,279,440		66.40 triệu	27.71%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/03/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm tiêu cực theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CSBT2001 và CVPB2002 giảm mạnh lần lượt là -23.04% và -37.93%. Giá trị giao dịch giảm -18.26%. CFPT1906 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.01% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền CVPB2001, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2002 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SAB	150.00	4.17	0.58
GAS	59.30	4.04	0.30
HPG	19.10	0.26	0.11
PLX	36.80	1.80	0.10
SSI	13.30	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	21.0	-6.89	-3.61
TCB	17.5	-4.38	-2.48
VNM	97.0	-2.12	-1.58
VCB	67.1	-5.49	-1.58
MBB	16.5	-3.80	-1.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2001	137,000	120,000	97,000
CHPG1907	25,200	21,000	19,100
CHPG2003	26,810	22,100	19,100
CHPG1909	28,280	24,680	19,100
CHPG2002	33,399	29,999	19,100
CTCB1902	26,300	21,000	17,450
CMSN2001	77,289	65,789	49,500
CSTB2001	12,499	10,999	9,990
CFPT1908	63,450	54,000	47,600
CDPM2001	16,567	14,567	11,050
CSBT2001	24,011	21,111	14,800
CVPB2001	23,000	20,000	20,950
CMWG2002	129,500	110,000	76,000
CVPB2002	22,300	20,300	20,950
CFPT1905	64,900	55,000	47,600
CFPT2001	64,000	56,000	47,600
CMBB2001	24,200	21,000	16,450
CFPT1906	65,500	57,000	47,600
CVHM1902	103,600	85,000	71,800
CMWG2001	132,000	115,000	76,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	76.0	-3.8%	1.0	1,498	5.1	8,655	8.8	2.8	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	57.3	-7.0%	1.3	561	2.3	5,361	10.7	2.8	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	38.5	-4.8%	1.4	1,243	0.4	1,632	23.6	1.5	29.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.7	0.0%	0.6	298	0.1	2,623	11.3	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	92.5	0.0%	0.9	13,603	3.8	2,268	40.8	4.1	14.6%	11.7%
VRE	Bất động sản	23.7	-2.1%	1.1	2,341	1.8	1,253	18.9	2.0	32.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.6	-2.6%	0.8	2,175	0.9	3,552	14.5	2.2	6.3%	16.6%
REE	Bất động sản	28.1	-0.5%	1.0	378	1.1	5,287	5.3	0.8	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	10.7	-3.2%	1.5	241	0.8	2,850	3.7	0.8	43.2%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.3	0.0%	1.4	300	1.7	1,787	7.4	0.7	53.2%	9.9%
VCI	Chứng khoán	19.3	-6.8%	1.0	138	0.1	4,218	4.6	0.8	35.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	13.2	-6.1%	1.8	175	0.6	1,421	9.3	0.9	54.8%	11.7%
FPT	Công nghệ	47.6	-1.1%	0.8	1,404	4.0	4,631	10.3	2.3	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	43.5	-1.6%	0.4	470	0.0	4,812	9.0	2.3	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	59.3	4.0%	1.6	4,935	1.7	6,096	9.7	2.3	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	36.8	1.8%	1.5	1,905	1.0	3,495	10.5	1.9	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	10.8	-1.8%	1.6	224	1.6	1,529	7.1	0.4	19.1%	6.2%
BSR	Dầu khí	6.9	1.5%	0.8	930	0.8	1,163	5.9	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	82.0	-4.7%	0.5	466	0.2	4,668	17.6	3.2	54.4%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.1	-2.6%	0.6	188	0.3	774	14.3	0.5	18.9%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.5	4.5%	0.7	127	0.2	600	9.2	0.5	2.0%	5.2%
VCB	Ngân hàng	67.1	-5.5%	1.2	10,820	3.1	5,004	13.4	2.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	32.8	-6.3%	1.7	5,736	3.2	2,398	13.7	1.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.5	-6.6%	1.3	3,319	6.9	2,541	8.1	1.0	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	21.0	-6.9%	1.2	2,220	4.7	3,370	6.2	1.2	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	16.5	-3.8%	1.1	1,725	3.1	3,476	4.7	1.0	23.6%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.9	-5.0%	1.1	1,505	4.3	3,694	5.7	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	36.0	-2.7%	0.9	128	0.1	5,165	7.0	1.2	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	27.0	0.0%	0.4	115	0.0	4,167	6.5	1.0	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	0.0%	0.7	628	0.0	732	19.9	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	19.1	0.3%	1.1	2,293	7.8	2,581	7.4	1.1	38.2%	17.0%
HSG	Thép	6.0	1.7%	1.7	110	1.1	1,161	5.2	0.5	18.1%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	97.0	-2.1%	0.6	7,344	4.6	5,478	17.7	6.1	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	150.0	4.2%	0.8	4,182	0.3	7,477	20.1	5.1	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.5	-0.7%	1.0	2,516	6.8	4,772	10.4	1.4	38.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	14.8	-6.9%	0.7	378	1.6	508	29.2	1.2	6.9%	4.4%
ACV	Vận tải	49.0	-3.9%	0.8	4,638	0.4	2,630	18.6	3.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	100.0	-1.0%	1.1	2,278	1.7	7,889	12.7	3.4	19.3%	28.7%
HAV	Vận tải	20.6	-1.0%	1.7	1,270	0.4	1,640	12.6	1.6	9.8%	12.8%
GMD	Vận tải	15.8	0.0%	1.0	204	0.3	1,595	9.9	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.1	-1.2%	0.9	111	0.3	2,421	3.8	0.6	31.1%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	53.5	-0.7%	1.2	372	1.2	8,824	6.1	2.5	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	15.9	-2.5%	0.7	310	0.1	1,454	10.9	1.1	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.3	-1.6%	0.8	204	0.0	1,953	6.3	0.9	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	51.6	-5.7%	1.2	171	0.3	8,858	5.8	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.9	-0.8%	0.7	478	0.1	1,567	15.9	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.8	-5.7%	0.4	213	0.6	2,769	7.2	0.9	49.5%	12.9%
POW	Điện	8.9	-0.2%	0.6	904	1.2	1,064	8.3	0.8	12.7%	9.7%
NT2	Điện	16.8	-4.0%	0.6	210	0.4	2,560	6.6	1.2	18.4%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	59.30	4.04	1.28	664400.00
SAB	150.00	4.17	1.12	46800.00
PLX	36.80	1.80	0.24	632180.00
TPB	20.45	4.07	0.20	563900.00
TCH	23.40	6.85	0.16	6.62MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L14	44.70	9.83	0.05	115400.00
NET	37.90	9.86	0.05	100.00
IDJ	13.70	9.60	0.04	457800.00
S99	7.00	7.69	0.02	6600.00
PVX	0.90	12.50	0.02	360800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	-0.01	-4.21	1.02MLN	1.11MLN
BID	-0.01	-2.57	2.19MLN	607060.00
CTG	-0.01	-1.57	7.51MLN	373600.00
VPB	-0.01	-1.11	5.04MLN	192700.00
VNM	0.00	-1.06	1.09MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	20.90	-5.00	-1.77	4.61MLN
PVS	10.80	-1.82	-0.05	3.37MLN
TIG	5.40	-10.00	-0.05	968900.00
NVB	8.60	-1.15	-0.04	3.25MLN
TNG	13.10	-3.68	-0.02	348200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAI	4.28	7.00	0.02	6.17MLN
QCG	8.92	6.95	0.05	873570.00
RIC	5.23	6.95	0.00	1160.00
VDP	31.55	6.95	0.01	1010.00
NTL	15.40	6.94	0.02	372400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	20.0	0.01	183900.00
BII	0.70	16.7	0.00	101800.00
KVC	0.90	12.5	0.01	250200.00
PVX	0.90	12.5	0.02	360800.00
SPI	0.90	12.5	0.00	115600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVX	3.72	-7.00	0.00	10.00
SVT	7.71	-7.00	0.00	10.00
PNJ	57.30	-6.98	-0.28	903300.00
CRE	18.00	-6.98	-0.03	130.00
VCF	184.00	-6.98	-0.11	410.00

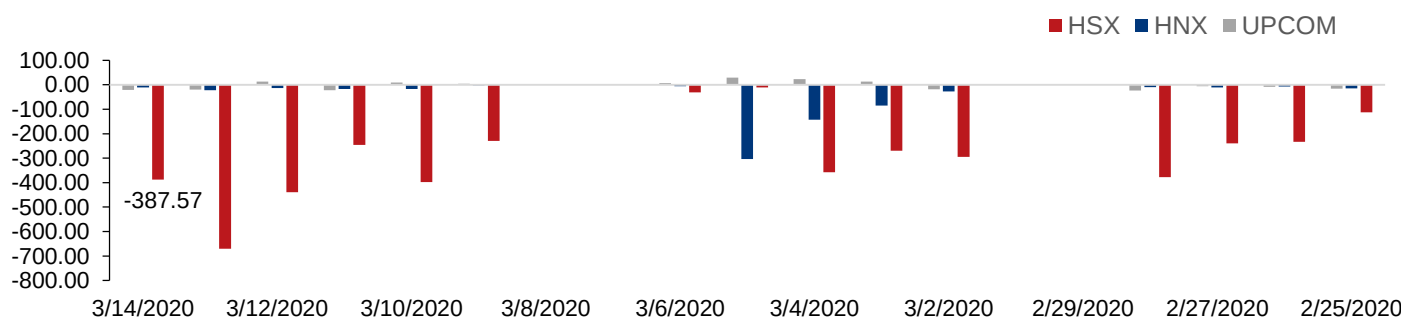
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ADC	13.20	-17.50	0.00	1200.00
TIG	5.40	-10.00	-0.05	968900.00
TMX	13.50	-10.00	0.00	200.00
TTT	39.90	-9.93	0.00	100.00
VNT	38.10	-9.93	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	97.0	5,478	17.7	6.1	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.8	2,736	3.9	0.6	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	76.0	8,655	8.8	2.8	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	24.6	6,362	3.9	0.9	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	47.6	4,631	10.3	2.3	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	18.2	2,109	8.6	1.3	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	20.5	3,897	5.2	0.9	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	82.0	4,668	17.6	3.2	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	23.6	4,313	5.5	1.1	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	57.3	5,361	10.7	2.8	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.1	2,421	3.8	0.6	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	138.8	14,782	9.4	3.8	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.2	0	26.3	0.3	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	76.0	8,655	8.8	2.8	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	20.9	3,694	5.7	1.2	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	10.8	2,736	3.9	0.6	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	17.5	2,881	6.1	1.0	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	67.1	5,004	13.4	2.9	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	19.1	7,028	2.7	1.0	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	47.6	4,631	10.3	2.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2020Q1	3/3/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 20400 ; Giá tại Publish 17800 BSC dự báo KQKD của STK với DTT và LNST đạt lần lượt 2,568.6 tỷ đồng(+15.2% YoY) và 248.4 tỷ đồng(+15.8% YoY) tương đương EPS fw là 3,513 VND/CP, PE fw là 5.1x và PB fw là 1.0x. Chúng tôi giả định (1) DTT sợi tái chế chiếm 50% trong cơ cấu doanh thu thuần (2) Kỳ vọng giá bán sợi bình quân phục hồi 2-5% do các nhà máy sợi của Trung Quốc phải đóng cửa vì dịch SAR-Covid-19 (3) BLNG cải thiện lên 16% nhờ tỉ trọng sợi tái chế tăng và chi phí nguyên vật liệu giảm.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 35000 ; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).
DRC 2020Q1	20/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express AAA 2020Q1	18/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 12350 BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của AAA đạt 9,856 tỷ (+6.7% YoY) với giả định sản lượng bao bì tiêu thụ 100,077 tấn (+5.1% YoY), tỷ lệ khai thác KCN đạt 100%. Biên LNG tăng từ 11.3% lên 11.7%. LNST dành cho cổ đông công ty mẹ đạt 511 tỷ (+9.1% YoY), tương đương EPS = 2,686 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%), P/E fw = 4.6 lần (nếu loại trừ LN ước tính từ BDS thì P/E với mảng nhựa là 7.9 lần).
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chép hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn